SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẠC THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:440 /QĐ-BVHT

Hạc Thành, ngày 12 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua sắm vật tư, hóa chất bổ sung lần 5 năm 2026 - 2028.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẠC THÀNH

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 9/9/2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-BVHT ngày 11/11/2026 của Bệnh viện đa khoa Hạc Thành về việc phê duyệt dự toán gói thầu: Mua sắm vật tư, hóa chất bổ sung lần 5 năm 2026 - 2028;

Căn cứ tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Mua sắm vật tư, hóa chất bổ sung lần 5 năm 2026 – 2028 của Hội đồng mua sắm tại Tờ trình số 404 /TTr -HĐMS ngày 12/11/2026;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm vật tư, hóa chất bổ sung lần 5 năm 2026 - 2028 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hội đồng mua sắm chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Hội đồng mua sắm, các khoa, phòng ban, chức năng của Bệnh viện đa khoa Hạc Thành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 QĐ;
- Lưu VT; Dược-VT, TBYT

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẠC THÀNH

Lê Tiến Toàn

BẢNG CHI TIẾT PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: Mua sắm vật tư, hóa chất bổ sung lần 5 năm 2026 - 2028

(Kèm theo Quyết định số 440 /QĐ-BVHT ngày 12 / 11 /2026 của Bệnh viện đa khoa Hạc Thành)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành	Gói thầu: Mua sắm vật tư, hóa chất bổ sung lần 5 năm 2026 -2028	Cung cấp Mua sắm vật tư, hóa chất	1.940.857.926	Từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Chào giá trực tuyến rút gọn		30 ngày	Quý IV/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	24 Tháng	Không có
	Tổng giá gói thầu *[kết chuyển sang **Bảng số 2**]*			**1.940.857.926**								

(Bằng chữ: ***Một tỷ chín trăm bốn mươi triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng chẵn)***

Ghi chú:

+ Gói thầu Mua sắm vật tư, hóa chất bổ sung lần 5 năm 2026 – 2028 gồm 76 mặt hàng được chia thành 76 phần/lô *(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

BẢNG PHỤ LỤC DANH MỤC CHIA PHẦN/LÔ GÓI THẦU
Gói thầu: Mua sắm vật tư, hóa chất bổ sung lần 5 năm 2026 - 2028
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHT ngày / 11 /2026 của Bệnh viện đa khoa Hạc Thành)

TT	MÃ hàng hóa	Tên hàng hóa	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng dự kiến	Đơn giá KH dự kiến	Thành tiền dự kiến
	M1	**Dùng cho máy Miễn dịch ACCESS (Beckman Coulter)**							
1	M1.1	Cốc đựng mẫu 0,5 mL dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Túi	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch; Chất liệu: Polystyrene; đáy tròn; dung tích: 0,5 mL	MGS Germantown, A division of MGS Group NA, Inc.	Mỹ	5	1.764.000	8.820.000
2	M1.2	Bộ kẹp giếng phản ứng	Hộp	Được làm bằng nhựa, Được sử dụng để giữ các giếng phản ứng di chuyển theo hướng chuyển động của dây đai khối ủ giếng phản ứng,	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	1	5.450.000	5.450.000
3	M1.3	Kẹp giếng phản ứng có nam châm	Chiếc	Được làm bằng nhựa, Đóng vai trò là vị trí tham chiếu và được sử dụng để giữ các giếng phản ứng di chuyển theo hướng chuyển độngcủa dây đai khối ủ giếng phản ứng,	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	1	1.251.800	1.251.800
4	M1.4	ACCESS hsTnI	Test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I tim trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp (“sandwich”); Dải đo: xấp xỉ 2,3-27027 pg/mL; Thành phần chính: Các hạt thuận từ được bao phủ bằng kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng cTnI của người được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp giữa kháng thể (đơn dòng, cừu) kháng cTnI của người với phosphatase kiềm được pha loãng trong dung dịch muối đệm ACES, protein (bò, cừu, chuột)	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	500	70.350	35.175.000
5	M1.5	ACCESS hsTnI CALIBRATORS	Ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I tim trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, phức hợp troponin tái tổ hợp ở các mức nồng độ cTnI xấp xỉ 30,7; 144; 567; 2293; 9280 và 27027 pg/mL	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	17	296.100	5.033.700
6	M1.6	Access TSH (3rd IS)	Test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH trong huyết tương hoặc huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme 2 vị trí gắn kiểu “sandwich”; Dải đo: xấp xỉ 0,005 – 50,0 µIU/mL [mIU/L]; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH người, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azide, ProClin, kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, protein (chuột)	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	4.000	26.082	104.328.000
7	M1.7	Access Wash Buffer II	Ml	Sản phẩm được dùng với Hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu; Thành phần chính: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, natri azit, khối lượng phản ứng: 5- chloro-2-methyl-4- isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1)	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd.	Trung Quốc	117.000	378	44.226.000

8	M1.8	Access Immunoassay System Reaction Vessels	Cái	Giếng phản ứng sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch dòng Access; Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL	Greiner Bio-One North America Inc.	Mỹ	31.360	2.499	78.368.640
9	M1.9	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1	Ml	Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và dị ứng; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể	Microgenics Corporation	Mỹ	30	214.515	6.435.450
10	M1.10	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2	Ml	Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và dị ứng; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể	Microgenics Corporation	Mỹ	30	214.515	6.435.450
11	M1.11	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3	Ml	Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và dị ứng; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể	Microgenics Corporation	Mỹ	30	214.515	6.435.450
	M2	**Dùng cho máy Sinh hóa AU480 (Beckman Coulter)**							-
12	M2.1	Que khuấy, dạng xoắn	Que	Dùng để khuấy mẫu, hoá chất R1. Thanh khuấy xoắn phủ Teflon. Chiều dài 7,6 cm (+/- 0,1 cm). Chiều rộng của thanh phủ: 3,0 mm (+/- 0,2 mm).	Beckman Coulter Mishima K.K.	Nhật Bản	1	3.082.200	3.082.200
13	M2.2	Que khuấy Dạng L	Chiếc	Dùng để khuấy thuốc thử R2. Thanh khuấy loại L. Làm bằng kim loại. Phủ Teflon. Chiều dài: 7,6 cm (+/- 0,1 cm). Chiều rộng của thanh phủ: 3 mm (+/- 0,2 mm).	Beckman Coulter Mishima K.K.	Nhật Bản	1	4.680.500	4.680.500
14	M2.3	Thanh khuấy mẫu bệnh phẩm	Cái	Được làm bằng nhựa, kim loại. Dùng để khuấy dung dịch điện giải MID, đệm và mẫu. Chiều dài 4,3cm (+/-0,1cm). Chiều dài thanh kim loại: 3,8cm (+/-0,1cm)	Beckman Coulter Mishima K.K.	Nhật Bản	1	2.174.700	2.174.700
15	M2.4	Cuvette 5 x 5 mm	Hộp	Dùng chứa mẫu phản ứng, để đo quang nhờ ánh sáng đi qua. Làm bằng thủy tinh vĩnh cửu. Chiều dài bên trong: 5 mm (+/-0,2 mm), chiều rộng bên trong: 5 mm (+/- 0,2 mm). Dành cho AU480, DxC700AU.	Beckman Coulter Mishima K.K.	Nhật Bản	1	18.577.900	18.577.900
16	M2.5	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	Ml	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL- Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL- Cholesterol (người).; Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu LDLcholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	FUJIFILM Healthcare Manufacturing Corporation Mie Office	Nhật Bản	4	3.392.550	13.570.200
17	M2.6	Định lượng Sắt	Ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt; Thành phần: Đệm glycin (pH 1,7) 215 mmol/L; L-ascorbic acid 4,7 mmol/L; 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5- triazine 0,5 mmol/ L; Phương pháp: TPTZ; Dải tuyến tính: 2 – 179 µmol/L (10 – 1000 µg/dL); Bước sóng: 600 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3,0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	Beckman Coulter Ireland Inc.	Ai-len	120	27.762	3.331.440
18	M2.7	Định lượng Protein toàn phần	Ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Thành phần: Natri hydroxyd 200 mmol/L; Kali natri tartrat 32 mmol/L; Đồng sulphat 18,8 mmol/L; Kali iodid 30 mmol/L; Phương pháp: Photometric; Dải tuyến tính: 30–120 g/L (3–12 g/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3,0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	Beckman Coulter Ireland Inc.	Ai-len	200	11.529	2.305.800

19	M2.8	Định lượng RF (Reumatoid Factor)	Ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng RF; Thành phần: Glycine buffer (pH 8,0) 170 mmol/L; Latex phủ IgG người < 0,5%; Phương pháp: Đo độ đục miễn dịch; Dải tuyến tính: 10–120 IU/mL; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 10,0% Độ chụm toàn phần: CV ≤ 10,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	Denka Co., Ltd.	Nhật Bản	256	149.310	38.223.360
	M3	**Dùng cho máy Huyết học DxH 600 (Beckman Coulter**							-
20	M3.1	Hóa chất chẩn đoán in-vitro dùng cho máy phân tích huyết học	Ml	Hóa chất chẩn đoán in-vitro dùng trên máy phân tích huyết học	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	105	268.800	28.224.000
21	M3.2	Dung dịch rửa máy phân tích huyết học	Ml	Làm sạch cho các bộ phận của máy khi tiếp xúc với máu, sử dụng tương thích với hệ thống phân tích tế bào huyết học	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd.	Trung Quốc	60.000	710	42.600.000
	M4	**Dùng cho máy Huyết học Celtac Alpha**							-
22	M4.1	Hóa chất kiểm soát chất lượng ở mức cao	Ml	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú" Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE	R&D Systems, Inc	Mỹ	38	1.250.000	47.500.000
23	M4.2	Hóa chất kiểm soát chất lượng ở mức thấp	Ml	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú" Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE	R&D Systems, Inc	Mỹ	38	1.250.000	47.500.000
24	M4.3	Hóa chất kiểm soát chất lượng ở mức thường	Ml	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú" Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE	R&D Systems, Inc	Mỹ	38	1.250.000	47.500.000
	M5	**Dùng cho máy Sinh hóa COBAS C503 (Roche)**							-
25	M5.1	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm HbA1c	Ml	Máu người ly huyết Nồng độ điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng thường ở mức bình thường hay ở ngưỡng bình thường/bệnh lý	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	8	1.150.000	9.200.000
26	M5.2	Dung dịch rửa bazơ	Ml	Dung dịch natri hydroxide 1 mol/L (khoảng 4 %); chất tẩy rửa	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	China	60.000	482	28.920.000
27	M5.3	Cốc mẫu	Cái	Cốc nhựa chứa mẫu thử, vật liệu chứng và mẫu chuẩn	Weidmann Medical Technology AG, Switzerland	Switzerland	6.000	345	2.070.000
28	M5.4	Tế bào đo	Cái	Dùng chứa hỗn hợp phản ứng, 17 giếng đo trong 1 đoạn, chất liệu: nhựa	Hitachi High-Tech	Japan	102	701.400	71.542.800

					Corporation, Japan				
29	M5.5	08057427190 CA2 1500T C 503	Test	R1 CAPSO: (3-[cyclohexylamino]-2- hydroxy-1-propane sulfonic acid) 557 mmol/L; NM-BAPTA: 2 mmol/L; pH 10.0; chất hoạt động bề mặt không phản ứng; chất bảo quản R3 EDTA: 7.5 mmol/ L; pH 7.3; chất hoạt động bề mặt không phản ứng, chất bảo quản R1 vào vị trí B và R3 vào vị trí C.	Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd., China	China	15.000	2.180	32.700.000
	M6	**Dùng cho máy Miễn dịch COBAS E411 (Roche)**							-
30	M6.1	Dung dịch rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch. Đóng gói 6 x 380 ml	Ml	KOH 176 mmol/L (tương ứng với pH 13.2); chất tẩy ≤ 1 %. Đóng gói 6 x 380 ml/ hộp; Xuất xứ G7	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	34.200	775	26.505.000
31	M6.2	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa. Đóng gói 6 x 380 ml	Ml	Đệm phosphate 300 mmol/L; tripropylamine 180 mmol/L; chất tẩy ≤ 0.1 %; chất bảo quản; pH 6.8 . Đóng gói 6 x 380 ml; Xuất xứ G7	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	34.200	775	26.505.000
32	M6.3	Dung dịch phụ trợ cho vào thùng chứa nước cất , tăng cường hiệu quả rửa cho xét nghiệm miễn dịch. Đóng gói 500 ml	Ml	Dung dịch phụ trợ cho vào thùng chứa nước cất , tăng cường hiệu quả rửa cho xét nghiệm miễn dịch. Đóng gói 500 ml. Polidocano nồng độ % khối lượng/khối lượng từ 7% đến dưới 10%. 2-methyl-2H- isothiazol-3-one nồng độ % khối lượng/ khối lượng từ 0.5% đến dưới 1% ; Xuất xứ G7	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	7.500	2.820	21.150.000
33	M6.4	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 24 thông số miễn dịch	Ml	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ PC U1: 2 chai để pha 2 x 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh (người) ▪ PC U2: 2 chai để pha 2 x 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh (người) ; Xuất xứ G7	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	120	129.500	15.540.000
34	M6.5	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng AFP, CA 125, CA 15-3, CA 19-9, CA 72-4, CEA, CYFRA 21-1, Ferritin, PSA, HCG, NSE	Ml	PC TM1: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng (người) PC TM2: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng (người); Xuất xứ G7	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	36	229.000	8.244.000
35	M6.6	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng Vitamin B12, Ferritin, Folate, βCTx, Osteocalcin, PTH, P1NP, Vitamin D, Calcitonin	Ml	PC V1: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng ▪ PC V2: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng ; Xuất xứ G7	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	36	227.500	8.190.000
36	M6.7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FREE PSA	Test	Bộ thuốc thử được dán nhãn FPSA. đóng gói 100 xét nghiệm; Xuất xứ G7 M ; Streptavidin (nắp trong), : ; Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản. R1 Anti-PSA- Ab~biotin (nắp xám), 1 chai, 10 mL: Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu biotin (chuột) 2 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản. R2 Anti- PSA-Ab~Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 9 mL: Kháng thể đơn dòng kháng PSA (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 1.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	200	63.200	12.640.000

37	M6.8	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA tự do	Ml	FPSA Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1 FPSA Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 PSA tự do (người) ở hai khoảng nồng độ (khoảng 0.10 ng/mL và khoảng 20 ng/mL) trong hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò).; Xuất xứ G7	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	4	315.000	1.260.000
38	M6.9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3	Test	Bộ thuốc thử được dán nhãn FT3. đóng gói 200 test; Xuất xứ G7 M: ; streptavidin (nắp trong): ; streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản. R1: Anti-T3-Ab~Ru(bpy) (nắp xám), 1 chai, 18 mL: Kháng thể đơn dòng kháng T3 (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium 18 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.0; chất bảo quản. R2: T3~biotin (nắp đen), 1 chai, 18 mL: T3 đánh dấu biotin 2.4 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.0; chất bảo quản.	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	3.000	27.950	83.850.000
39	M6.10	IVD là chất pha loãng mẫu	ml	Hỗn hợp protein; chất bảo quản ≤ 0.1 %	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	540	54.200	29.268.000
40	M6.11	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng ACTH, CPeptide, hGH, Insulin, IL-6, PlGF, sFlt	ml	▪ PC MM1: 3 chai, mỗi chai 2.0 mL mẫu chứng huyết thanh ▪ PC MM2: 3 chai, mỗi chai 2.0 mL mẫu chứng huyết thanh	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	24	745.000	17.880.000
41	M6.12	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 22 thông số miễn dịch	ml	Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ PC U1: 2 chai để pha 2 x 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh (người) ▪ PC U2: 2 chai để pha 2 x 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh (người)	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	24	129.500	3.108.000
42	M6.13	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA tự do	ml	FPSA Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1 FPSA Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 PSA tự do (người) ở hai khoảng nồng độ (khoảng 0.10 ng/mL và khoảng 20 ng/mL) trong hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò).	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	12	315.000	3.780.000
43	M6.14	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 12 thông số miễn dịch	ml	PC TM1: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng (người) PC TM2: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng (người)	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	60	229.000	13.740.000
	M7	**Dùng cho máy HbA1c tự động ARKRAY**							-
44	M7.1	Hemolysis Washing Solution 80H	Ml	- Xác định lượng (HbA1c) trong mẫu máu toàn phần, tương thích trên máy phân tích hba1c tự động Arkray HA8180V - Quy cách đóng gói: (2L x 3) / Hộp - Gồm: Sodium azide: <=0.02%; Phosphate: <=0.1%; Surfactant<=0.1%. - TCCL: ISO 13485; 9001	Arkray Factory, Inc.	Nhật Bản	42.000	4.680	196.560.000
45	M7.2	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng Hba1c	Ml	- Chất kiểm chuẩn, tương thích trên máy phân tích hba1c tự động Arkray HA8180V - Quy cách đóng gói: (Level 1: 4x0.25mL; Level 2: 4x0.25mL) / Hộp - Gồm: Hemoglobin, human: 13.0-15.0g/dL; Potassium Cyanide: <0.005%. - TCCL: ISO 13485	Canterbury Scientific Limited	New Zealand	8	2.522.000	20.176.000
	M8	**Dùng cho máy Huyết học ATELLICA HEMA**							-
46	M8.1	Atellica HEMA HGB	Lít	- Dung dịch ly giải dành trong chẩn đoán invitro và được thiết kế để ly giải hồng cầu (RBC) và đo huyết sắc tố (Hemolglobin). Kết quả huyết học gồm dữ liệu số và các biểu đồ có khả năng được in trực tiếp từ hệ thống máy theo biểu mẫu trả kết quả của phòng xét nghiệm. Các thông số huyết học có thể được tự động thẩm định kết quả bằng phần mềm quản lý dữ liệu và hỗ trợ kỹ thuật từ xa chủ động bằng SRS - Thành phần: Chất đệm hữu cơ, chất tẩy rửa - Các tính chất vật lý và hóa học của hóa chất: Ước tính độc tính cấp tính (đường miệng): 19230.8 mg/kg	Horiba ABX SAS	Pháp	24	4.037.500	96.900.000

				(dodecyltrimethylammonium chloride: 500 mg/kg)					
47	M8.2	Atellica HEMA Decon	Lít	- Dung dịch được thiết kế để làm sạch hệ thống máy phân tích các thông số huyết học với 8 thành phần bạch cầu. Kết quả huyết học gồm dữ liệu số và các biểu đồ có khả năng được in trực tiếp từ hệ thống máy theo biểu mẫu trả kết quả của phòng xét nghiệm. Các thông số huyết học có thể được tự động thẩm định kết quả bằng phần mềm quản lý dữ liệu và hỗ trợ kỹ thuật từ xa chủ động bằng SRS - Thành phần: Hóa chất tẩy rửa, chất ổn định - Các tính chất vật lý và hóa học của hóa chất: + Hỗn hợp thành phần: sodium hypochlorite solution Cl active < 2.5%, natri hydroxide <1% + Áp suất hơi (ở 20°C): thành phần nước: 23.8 mm Hg, 3.2 KPa	R&D Systems, Inc.	Mỹ	10	2.276.000	22.760.000
48	M8.3	Atellica HEMA Control (N)	ml	- Chất kiểm chuẩn dùng trong chẩn đoán invitro và được thiết kế để theo dõi độ đúng và độ lặp lại trên hệ thống phân tích huyết học mức bình thường với 8 thành phần bạch cầu. Kết quả huyết học gồm dữ liệu số và các biểu đồ có khả năng được in trực tiếp từ hệ thống máy theo biểu mẫu trả kết quả của phòng xét nghiệm. Các thông số huyết học có thể được tự động thẩm định kết quả bằng phần mềm quản lý dữ liệu và hỗ trợ kỹ thuật từ xa chủ động bằng SRS - Thành phần: Bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú trong một chất lỏng tương tự huyết tương	R&D Systems, Inc.	Mỹ	36	354.917	12.777.012
49	M8.4	Atellica HEMA Control (L)	ml	- Chất kiểm chuẩn dùng trong chẩn đoán invitro và được thiết kế để theo dõi độ đúng và độ lặp lại trên hệ thống phân tích huyết học với 8 thành phần bạch cầu. Kết quả huyết học gồm dữ liệu số và các biểu đồ có khả năng được in trực tiếp từ hệ thống máy theo biểu mẫu trả kết quả của phòng xét nghiệm, mức thấp. Các thông số huyết học có thể được tự động thẩm định kết quả bằng phần mềm quản lý dữ liệu và hỗ trợ kỹ thuật từ xa chủ động bằng SRS - Thành phần: Bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú trong một chất lỏng tương tự huyết tương	R&D Systems, Inc.	Mỹ	36	354.917	12.777.012
50	M8.5	Atellica HEMA Control (H)	ml	Chất kiểm chuẩn dùng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để theo dõi độ đúng và độ lặp lại trên hệ thống phân tích huyết học, mức cao với 8 thành phần bạch cầu. Kết quả huyết học gồm dữ liệu số và các biểu đồ có khả năng được in trực tiếp từ hệ thống máy theo biểu mẫu trả kết quả của phòng xét nghiệm. Cácthông số huyết học có thể được tự động thẩm định kết quả bằng phần mềm quản lý dữ liệu và hỗ trợ kỹ thuật từ xa chủ động bằng SRS - Thành phần: Bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú trong một chất lỏng tương tự huyết tương	R&D Systems, Inc.	Mỹ	36	354.917	12.777.012
		VẬT TƯ TIÊU HAO, SINH PHẨM VÀ HÓA CHẤT DÙNG CHUNG							-

51	VT1	Ống nghiệm EDTA nắp nhựa	Cái	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút . Xuất xứ: Việt Nam	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam/ Việt Nam	Việt Nam	57.600	600	34.560.000
52	VT2	Lamen 22x 22mm	Cái	Làm bằng thủy tinh siêu trong suốt có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang • Kích thước: 22 x 22mm. • Độ dày: 0.16 - 0.19mm. Hộp 100 miếng	Paul Marienfeld GmbH & Co.KG	Đức	2.000	750	1.500.000
53	VT3	Thạch đĩa Chocolate	Đĩa	Đĩa thạch đổ sẵn có bổ sung các chất kích thích tăng trưởng được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt là Neisseria spp. và Haemophilus, không chứa các chất phụ gia hay chất bảo quản. Kiểm tra chất lượng trên từng lô hàng với tối thiểu các chủng chuẩn Haemophilus influenzae ATCC® 10211, Neisseria gonorrhoeae ATCC® 43069 Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated sheep blood, Agar, Multivitox (bao gồm Vitamin B12, L-glutamine, Adenine, Guanine, pAminobenzoic acid, L-cystine, NAD (Coenzyme 1), Cocarboxylase, Ferric nitrate, Thiamine, Cysteine hydrochloride), pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C	Công ty Cổ phần SEMIND	Việt Nam	300	34.500	10.350.000
54	VT4	Thạch đĩa Macconkey	Đĩa	Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Đáp ứng: "Yêu cầu kiểm soát chất lượng tối thiểu cho nhà sản xuất đối với môi trường nuôi cấy đổ sẵn", theo tiêu chuẩn của CLSI. Đĩa 90mm. Kiểm tra chất lượng trên từng lô hàng với tối thiểu các chủng chuẩn Salmonella typhimurium ATCC® 14028, Escherichia coli ATCC® 25922, Proteus mirabilis ATCC® 12453, Enterococcus faecalis ATCC® 29212 Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane Thành phần: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: 7.1±0.2 ở 25°C	Công ty Cổ phần SEMIND	Việt Nam	250	21.300	5.325.000
55	VT5	Ăng nhựa 1µ	Cái	Que cấy vi sinh 1ul đầu tròn làm bằng nhựa dùng trong y tế.Thiết kế bề mặt vòng siêu mịn tạo điều kiện tạo vệt đều và mịn mà không làm hỏng bề mặt gel. Được tiệt trùng bằng tia gamma, không pyrogenic. Được đóng gói trong những túi zip và seal lại chắc chắn để đảm bảo sự tiệt trùng		Trung Quốc	2.500	1.925	4.812.500
56	VT6	Thanh API Staph	Thanh	Thanh định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus, Micrococus và Kocuria, gồm 20 giếng chứa các hóa chất khử nước và 6ml môi trường API Staph. Đạt tiêu chuẩn ISO	BioMerieux S.A	Pháp	100	240.000	24.000.000
57	VT7	Giấy in cho máy nước tiểu	Cuộn	Kích thước 50mm; 57mm; 58mm x 30m chất liệu bằng giấy trắng in nhiệt	Hải Anh	Việt Nam	200	10.000	2.000.000
58	VT8	Ống Eppendorf 1.5 ml	Cái	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm 13.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	3.000	287	861.000
59	VT9	Chất làm đầy, bôi trơn khớp Arthrys 2, 1ml	ống	Peptid trọng lượng phân tử thấp có nguồn gốc từ collagen bò thủy phân (<3kDa), nồng độ 2mg/ml, hộp 1 ống tiêm đóng sẵn 1ml	Tiss'You S.r.l	San Marino	10	1.550.000	15.500.000

60	VT10	Chất làm đầy, bôi trơn khớp Arthrys 2, 2ml	ống	Peptid trọng lượng phân tử thấp có nguồn gốc từ collagen bò thủy phân (<3kDa), nồng độ 2mg/ml, hộp 1 ống tiêm đóng sẵn 2ml	Tiss'You S.r.l	San Marino	10	2.450.000	24.500.000
61	VT11	Chất làm đầy, bôi trơn khớp Biolevox™ HA 2,2%	ống	Natri Hyaluronat 2,2%; 44mg/2ml	Biovico Sp.Zo.o	Ba Lan	10	1.300.000	13.000.000
62	VT12	Chất làm đầy, bôi trơn khớp Biolevox™ HA ONE	ống	Natri hyaluronate (trọng lượng phân tử 1.8 - 3.2 Mda) 120mg/4.8ml (25mg/ml)	Biovico Sp.Zo.o	Ba Lan	5	4.800.000	24.000.000
63	VT13	Chất làm đầy, bôi trơn khớp MONOSHOT™ HA	ống	Natri hyaluronate 95mg/3.8ml (25mg/ml)	Biovico Sp.Zo.o	Ba Lan	5	3.800.000	19.000.000
64	VT14	Chất làm đầy, bôi trơn gân Biolevox™ HA Tendon	ống	Natri hyaluronate 32mg/2ml (16mg/ml)	Biovico Sp.Zo.o	Ba Lan	10	1.950.000	19.500.000
65	VT15	Nước cất hai lần	ml	Đặc tính kĩ thuật • Nước có độ tinh khiết cao, nguyên chất được trưng cất 2 lần trên dây chuyền khép kín tự động đạt tiêu chuẩn, không chứa bất kỳ hợp chất hóa học hay vi khuẩn nào. Công dụng: • Nước cất dùng trong phòng thí nghiệm. • Nước cất được áp dụng trong y tế: dùng nước cất để để sản xuất các loại thuốc,dung dịch sát khuẩn, để rửa vết thương, rửa dụng cụ y tế, dùng để uống thuốc. • Nước cất được dùng cho máy xét nghiệm, máy sinh hóa, các máy phân tích sẽ cho ra kết quả chính xác hơn. • Hình thức : Dạng chất lỏng trong suốt,không màu, không mùi , không vị • Ngoại quan: Trong suốt, không có các dị vật và mùi lạ. Chỉ tiêu chất lượng: • Độ dẫn điện (µS/cm) ≤ 2; • Natri (Na, µg/L) : Không phát hiện; • Clorid (Clo, µg/l): Không phát hiện; • Silic SiO2 (µg/l) : Không phát hiện; • Ph: 5 - 7.1: TCVN 6492:2011; • NH4+ (Amoni), ppm : Không phát hiện; • Pb (ppm): Không phát hiện; • Canxi (Ca): Không phát hiện; • Magie (Mg): Không phát hiện; • Độ oxi hóa (chỉ số pecmanganat): Không phát hiện; • Carbon hữu cơ (TOC, mg/l): Không phát hiện; • Không phát hiện vi khuẩn hiếu khí; • Sản phẩm đã được tiệt trùng. Cảnh báo: Không được sử dụng pha thuốc tiêm hoặc truyền tĩnh mạch. Quy cách: 10 lít/ can Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:ISO 9001:2015; ISO 13485:2016;Chứng nhận CE; Thực hành sản xuất tốt GMP.	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành	Việt Nam	200.000	8	1.600.000
66	VT16	Phim khô laser Trimax TXE cỡ 25x30cm (10x12")	Tờ	Phim Laser 25x30cm (10x12inches) được thiết kế để sử dụng làm phim chẩn đoán đa năng, được thiết kế để ghi lại đầy đủ các hình ảnh từ nhiều phương thức khác nhau bao gồm chụp cắt lớp vi tính, chụp mạch kỹ thuật số, chụp cộng hưởng từ, y học hạt nhân, siêu âm, chụp X quang thường quy, chụp X quang kỹ thuật số, và hình ảnh phim số hóa. Phim được phủ màu xanh, hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester. - Có thể lưu trữ hình ảnh được hơn 100 năm ở nhiệt độ dưới 25°C, độ ẩm 30-50%R. Phim có mật độ hình ảnh tối đa Dmax 3.0. Tương thích, phù hợp với hệ thống máy in phim Trimax - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FSC (mỹ), FSC (pháp)	Rayco (Xiamen) Medical Products Company Limited	Trung Quốc	12.000	26.000	312.000.000

67	VT17	Sonde foley 3 nhánh	Cái	- Số 18 - 24Fr - Bề mặt nhẵn mịn, đầu ống không gây tổn thương, giảm kích ứng khi dùng cho bệnh nhân - 100% chất liệu cao su y tế chất lượng cao phủ dầu silicon, tốt cho bệnh nhân - Lớp phủ Silicon ngăn cách giữa trục ống bằng cao su và niệu đạo của người bệnh gia tăng tính tương thích sinh học - Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, độ mềm vừa phải dễ đặt - Phủ Hydrophilic, đầu ngắn giúp giảm kích thích bàng quang - Không có chất DEHP, không gây dị ứng, an toàn tuyệt đối - Đường kính trong phủ silicon, tránh tắc ống - Bóng đối xứng(đồng tâm),căng đều được thiết kế chống vỡ hoặc dính khi xông lâu - Dung tích bóng 30ml Tiêu chuẩn ISO 13485		Trung Quốc	100	16.500	1.650.000
68	VT18	Filter lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp	Cái	Đường kính trong đầu cắm vào máy: 24 mm - Đường kính ngoài đầu cắm vào máy: 26 mm - Hiệu quả lọc khuẩn: 99.99% Tương thích với máy đo chức năng hô hấp Model: Spiromaster PC-12, hãng sx: Chest Miyagi Factory, nước sx: Nhật Bản	Ningbo Great Mountain Medical	Trung Quốc	500	17.000	8.500.000
69	VT19	Bao đo huyết áp cho monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	Bao đo huyết áp dùng cho người lớn, trẻ em, Tương thích cho rất nhiều hãng máy monitor	Shenzhen Sino-K Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	5	350.000	1.750.000
70	VT20	Đồng hồ oxy kèm bình làm ẩm	Cái	Bộ sản phẩm tiêu chuẩn bao gồm: Đồng hồ đo lượng oxy trong bình: 01 cái Cột đo lưu lượng khí Oxy ra: 01 cái Bình tạo ẩm khí Oxy: 01 cái. Dây thở: 01 cái.	Ningbo Jmao	Trung Quốc	2	365.000	730.000
71	VT22	Dịch nhầy phẫu thuật	Cái	- Dịch nhầy Hydroxypropyl Methylcellulose (HPMC) - Nồng độ (độ cô đặc) 2% '- Trọng lượng phân tử: 86.000 daltons & 1261,4 g/mol - Độ nhầy: 3000-5600 cPs - Độ thẩm thấu: 250-350 mOsmol/Kg - Độ PH: 6.0 - 7.8 '- Dung tích: 2ml trong syringe với kim bơm 23G. Vô trùng	Ophthalmic Technology	Ấn Độ	92	120.000	11.040.000
72	VT24	Gạc cầm máu tự tiêu EMOSIST 10x20 cm	Miếng	Vật liệu cầm máu cellulose tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) làm từ Rayon và cotton tissue, tương thích sinh học cao, độ bền và độ dẻo cao khi sử dụng ở cả dạng khô và tiếp xúc với máu , kích thước 10x20 cm. - Hiệu quả cầm máu nhanh 1-2 phút - Thời gian hấp thụ từ 1-2 tuần - Có tác dụng diệt khuẩn đối với nhiều loại vi khuẩn Gram dương và Gram âm. - Mềm mại và phù hợp với mọi loại bề mặt giải phẫu.	Mascia Brunelli S.p.A.	Ý	20	320.000	6.400.000
73	VT25	Xốp cầm máu tự tiêu gelatin CutanPlast 70x50x10mm	Miếng	Là sản phẩm gelatin có nguồn gốc động vật giúp kiểm soát xuất huyết tại động mạch và tĩnh mạch. -Tốc độ cầm máu: 5-10 phút; hấp thụ hoàn toàn 3-4 tuần. - Khả năng thấm hút gấp 50 lần trọng lượng. -Kích thước: 70x50x10mm	Mascia Brunelli S.p.A.	Ý	50	63.000	3.150.000
74	VT26	Bao cao su	Cái	Sản xuất từ cao su thiên nhiên có độ co giãn tốt, màu sắc tự nhiên	Công ty cổ phần Merufa	Việt Nam	500	800	400.000
75	VT27	Dụng cụ kiểm tra huyết áp	Bộ	01 đồng hồ đo áp lực - Hệ thống bơm khí : 01 bóng bơm khí; 02 ống dẫn khí; 01 van xả khí - 01 dải băng cuộn tay bằng cotton, dành cho người lớn kích thước 140x500mm - 01 bao hơi cao su kích thước 120x220mm - 01 túi đựng giả da	Tanaka Sangyo Co.,Ltd	Nhật Bản	5	500.000	2.500.000
76	VT28	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	Miếng	Thành phần: gạc hút nước 100% cotton. Kích thước: 10cm x10cm x 8 lớp. Không có tinh bột hoặc Dextrin vô trùng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng, có cản quang. Không có hóa chất tẩy trắng. Quy cách: 10 miếng/gói. Tiêu chuẩn ISO 13485	Memco	Việt Nam	400	450	180.000
		Tổng:							**1.940.857.926**

(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm bốn mươi triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng chẵn)